

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 01 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh X, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ tại thời điểm đăng ký kết hôn: Số 17A, ấp X, xã Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông A, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 41 Edensor Rd, Cabramatta West, NSW 2166 Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2021, nguyên đơn Nguyễn Thanh X trình bày như sau:*

Sau thời gian tìm hiểu, bà X và ông A tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng sống xa cách nên không có tiếng nói chung. Nhận thấy, đời sống hôn nhân không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông A.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bảng khai ý kiến ngày 15/11/2021, bị đơn A trình bày:* Ông A đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án về việc Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã thụ lý yêu cầu của bà Nguyễn Thanh X xin ly hôn với ông A. Nay ông A đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thanh X.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án bao gồm hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh X với ông A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Thanh X có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn A có văn bản trình bày ý kiến đối với việc tranh chấp ly hôn và xin vắng mặt khi xét xử vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn giữa bà X và ông A thì bà X và ông A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 04/4/2018; do đó, hôn nhân giữa bà X và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa cách nên không có tiếng nói chung. Nhận

thấy, đời sống hôn nhân không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông A.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà X và ông A không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, hiện nay bà X đang sống ở Việt Nam còn ông A đang sống ở nước Australia và ông A cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà X, nên cho bà X được ly hôn với ông A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 19; Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 5 Điều 477; điểm b khoản 2 Điều 478; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh X.
- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thanh X được ly hôn với ông A.
- Về con chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000018 ngày 04/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Thanh X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TPVL; 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 05.

Nguyễn Thị Tư